

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện thu NSNN trên địa bàn và chi ngân sách xã 6 tháng đầu năm; giải pháp thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2023

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023:

I/ Về thu ngân sách: (Chi tiết theo phụ lục 1 phần A)

1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn theo chỉ tiêu giao:

Sáu tháng đầu năm 2023 thực hiện được 204,096 triệu đồng, đạt 105% so với chỉ tiêu thị xã giao (194 triệu đồng); đồng thời đạt 100% so với chỉ tiêu HĐND xã giao (203,7 triệu đồng).

Trong đó:

- Các khoản thu cân đối NSNN trên địa bàn: 204,096 triệu đồng, đạt 105% so với chỉ tiêu thị xã giao.

2/ Thu ngân sách xã:

Tổng thu Ngân sách xã 8.893,717 triệu đồng, đạt 77% so với dự toán cả năm. Tăng 13% so với cùng kỳ năm trước (64% so dự toán).

Trong đó:

2.1/ Các khoản thu 100%: 90,527 triệu đồng đạt 82%. Cụ thể:

Đơn vị tính: 1.000đồng

Chỉ tiêu	Dự toán	Thực hiện	So sánh tỷ lệ %
- Phí, lệ phí (100%)	46.000	30.140	66
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi cộng sản	20.000	33.187	166
- Thu phạt, tịch thu khác theo qui định	20.000	16.000	80
- Thu khác ngân sách xã theo qui định	25.000	11.200	45
Tổng cộng	111.000	90.527	82

2.2/ Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %: 29,848 triệu đồng đạt 18% so với dự toán:

Đơn vị tính: 1.000đồng

Chỉ tiêu	Dự toán	Thực hiện	so sánh tỷ lệ %
- Thuế sử dụng đất PNN	1.000	1.000	100
- Lệ phí môn bài thu từ hộ CN, hộ KD	7.000	7.500	107
- Thuế trước bạ nhà đất		12.775	
- Thuế GTGT	16.000	8.573	54
- Thuế tài nguyên	145.000		0
Tổng cộng	169.000	29.848	18

2.3/ Thu trợ cấp từ ngân sách cấp trên: 7.516,592 triệu đồng đạt 76%. Trong đó nguồn trợ cấp có mục tiêu là 5.226,596 triệu đồng.

2.4/ Thu chuyển nguồn năm 2022 chuyển sang năm 2023 số tiền 1.256,751 triệu đồng.

3/ Đánh giá chung về thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách:

Số thu ngân sách NN trên địa bàn xã 6 tháng đầu năm đạt tỷ lệ 105% so với chỉ tiêu thị xã giao, đạt 100% so với chỉ tiêu HĐND xã giao. Trong số thu được giao chỉ tiêu đầu năm có những khoản thu đạt và vượt chỉ tiêu giao như Lệ phí môn bài đạt 107%; Thuế sử dụng đất PNN đạt 100%; Các khoản thu tại xã đạt 93%; Thu phí, lệ phí đạt 66%.

Bên cạnh đó còn có nguồn thu từ Thuế tài nguyên, năm 2023 UBND xã Phổ Nhơn được UBND thị xã Đức Phổ giao dự toán thu cân đối ngân sách 145 triệu đồng. Tuy nhiên, trong 06 tháng đầu năm 2023 vẫn chưa cân đối từ nguồn thu này.

Công tác lập bộ thuế sử dụng đất PNN hằng năm tại Chi cục Thuế khu vực Đức Phổ - Ba Tư còn nhiều bất cập (Thông tin đất ở Phổ Nhơn, nhưng người nộp thuế thì không phải người địa phương hoặc đi xa gây khó khăn trong việc gửi thông báo thu đến người nộp thuế).

*** Tình hình hoạt động tài chính khác của xã:**

Trong 6 tháng đầu năm phát sinh tăng 865.101 đồng, phát sinh chi 199.124.426 đồng (cả tồn quỹ năm 2022 chuyển sang), số còn lại cuối tháng 114.132.219 triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ lục số 02 đính kèm).

Các khoản thu huy động Đền ơn đáp nghĩa, Quỹ phòng chống thiên tai, BTKM, GTNT trong dân và Thuế sử dụng đất PNN triển khai thu từ ngày 17/07/2023 đến ngày 21/07/2023 tại các nhà văn hóa của 05 thôn.

II/ Chi ngân sách xã: (Chi tiết theo phụ lục số 1 phần B)

Tổng chi 06 tháng đầu năm 2023: 6.060,307 triệu đồng, đạt 53% dự toán giao trong năm (11.488,951 triệu đồng). Giảm 6% so với cùng kỳ năm 2022.

Trong đó:

1/ Chi thường xuyên:

1.1/ Thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên: 2.859,646 triệu đồng đạt 40% so với dự toán được chi là (7.189,432 triệu đồng).

Chi tiết gồm các đơn vị chi như sau:

Tên đơn vị sử dụng NSNN	Dự toán được sử dụng trong năm 2023	Số thực hiện 6 tháng	So sánh tỷ lệ %
1. HĐND & UBND	4.074.700.881	1.454.519.913	36
2. Ban an ninh	211.082.000	94.601.238	45
3. Ban quân sự	343.724.000	139.698.298	41
4. Đoàn thanh Niên	179.981.000	74.363.328	41
5. Hội phụ nữ	201.612.000	76.530.468	38
6. Hội nông dân	202.084.000	95.311.870	47
7. Hội cựu chiến binh xã	174.052.000	72.504.268	42
8. Đảng uỷ	786.532.000	309.824.698	39
9. Uỷ ban Mặt trận tổ quốc xã	381.664.000	148.174.164	39
10. Hội chữ thập đỏ (824)	5.000.000	2.000.000	40
11. Hội người cao tuổi (825)	98.000.000	89.654.000	91
12. Hội khuyến học (826)	5.000.000	0	0
13. Hội đặc thù khác	8.000.000	0	0
14. Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	192.000.000	112.262.000	58
Tr.đó: Phụ cấp cán bộ hưu Xã	159.000.000	108.792.000	68
Chi hỗ trợ đội xã hội tình nguyện	33.000.000	3.470.000	11
15. Chi sự nghiệp VH, TT, TDTT	33.000.000	17.220.000	52
16. Đài truyền thanh xã	20.000.000	8.350.000	42
17. Chi sự nghiệp kinh tế	224.000.000	159.432.000	71
Tr.đó: khắc phục giao thông	150.000.000	149.832.000	100
18. Chi sự nghiệp môi trường	25.000.000	5.200.000	21
19. Chi khác NS xã	24.000.000	0	0
Tổng cộng chi	7.189.431.881	2.859.646.245	40

1.2/ Công tác tiết kiệm dự toán chi:

Ngay từ đầu năm UBND xã đã giao dự toán chi cho các đơn vị sử dụng ngân sách tiếp tục thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2023.

2/ Về công tác đầu tư và thanh toán vốn đầu tư XDCB:

- Tính đến thời điểm 30/6/2023 tình hình nợ đọng XDCB đối với các công trình nghiệm thu đưa vào sử dụng trước ngày 30/6/2023 là 2.169,6 triệu đồng (Nguồn vốn NS xã và nguồn huy động đóng góp).

- Công trình Cầu Suối Đục với tổng mức đầu tư 4 tỷ đồng triển khai thực hiện vào tháng 04/2022, đã nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng từ tháng 05/2023. Theo KHV phân khai năm 2022 là 1.600 triệu đồng đã giải ngân 100% KHV trong năm 2022, năm 2023 phân khai 1.600 triệu đồng, tuy nhiên đến nay vẫn chưa được phân khai vốn (Ngân sách thị xã).

- Năm 2023 UBND xã Phổ Nhon được bố trí kế hoạch vốn đầu tư xây dựng mới 3 công trình (KCH tuyến mương Vườn Tung đi Đồng Chòi (GD1), Nâng cấp các tuyến đường nội thôn An Tây cũ, Tuyến kênh từ nhà ông Càn đến Phần Thâu) với tổng kinh phí được duyệt 2.925 triệu đồng (Ngân sách Trung

ương 900 triệu đồng, Ngân sách thị xã 1.913 triệu đồng và Ngân sách xã 112 triệu đồng).

* Tình hình giải ngân đến thời điểm này:

- Công trình KCH tuyến đường Vườn Tung đi Đồng Chòi (GD1) khởi công từ tháng 03/2023 đã hoàn thành và đưa vào sử dụng tháng 06/2023. Giải ngân đạt 99% KHV (889,228/900 triệu đồng).

- Công trình Nâng cấp các tuyến đường nội thôn An Tây cũ khởi công từ tháng 05/2023 đã thanh toán lần 1 cho đơn vị xây lắp, thanh toán cho đơn vị khảo sát, lập Báo cáo KTKT và đơn vị thẩm tra TKBVTC và DT với số tiền 544,844 triệu đồng. Phần đầu đến cuối tháng 07/2023 hoàn thành công trình đưa vào sử dụng.

- Công trình Tuyến kênh từ nhà ông Cẩn đến Phần Thâu khởi công từ tháng 03/2023 đã thanh toán lần 1 cho đơn vị xây lắp, thanh toán cho đơn vị khảo sát, lập Báo cáo KTKT và đơn vị thẩm tra TKBVTC và DT với số tiền 488,783 triệu đồng. Dự kiến đến tháng 06/2023 hoàn thành đưa vào sử dụng, tuy nhiên vì thời điểm này người dân đang vào mùa vụ nên công trình không thể tiếp tục thực hiện. UBND xã Phổ Nhơn đã điều chỉnh thời gian thực hiện đến tháng 10/2023.

III/ Cân đối nguồn ngân sách: (Chi tiết theo phần C phụ lục số 1).

1/Ước thu ngân sách xã 6 tháng đầu năm: 8.893,814 triệu đồng

2/Ước chi ngân sách xã 6 tháng đầu năm: 6.060,307 triệu đồng

Tồn chuyển sang tháng 7/2023: 2.833,411 triệu đồng

* Đánh giá chung về tình hình thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách:

Thực hiện qui định về quản lý tài chính ngân sách 6 tháng đầu năm 2023 UBND xã điều hành chi ngân sách đúng qui định, cơ bản đáp ứng được nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng.

B. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU - CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2023

Để đạt được nhiệm vụ thu, chi ngân sách cả năm 2023, nhất là nhiệm vụ thu ngân sách trên địa bàn theo Nghị quyết của HĐND xã, cần tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu sau:

I/ Về thu ngân sách:

- Tập trung chỉ đạo, thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc cùng nhau triển khai thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và các khoản thu của xã, nhất là cần tập trung chỉ đạo quản lý ký hợp đồng thu quỹ đất công ích của xã, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nghĩa vụ tài chính để cấp giấy CNQSD đất của các hộ dân nhằm để thu ngân sách đạt chỉ tiêu.

- Phối hợp với Chi cục thuế tăng cường công tác thu NSNN, xử lý nợ đọng của các hộ kinh doanh.

- Tiếp tục công tác vận động, tuyên truyền của các Hội đoàn thể, tuyên truyền trên thông tin truyền thanh về chính sách thuế nhằm nâng cao sự hiểu biết của người dân trong việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế.

- Trường hợp số thu không đạt chỉ tiêu giao phải chủ động điều chỉnh, cắt giảm chi hoạt động thường xuyên tương ứng đảm bảo cân đối và hoàn thành nhiệm vụ trên giao.

II/ Chi ngân sách:

Điều hành chi theo dự toán và nguồn thu ngân sách thực tế. Các ngành, hội đoàn thể sử dụng ngân sách phải trên tinh thần tiết kiệm, hạn chế những khoản chi không cần thiết, bố trí, điều hành trong tổng dự toán chi hoạt động được giao để hoàn thành nhiệm vụ. Riêng các khoản chi lương, phụ cấp theo lương cho cán bộ, công chức và các chính sách an sinh xã hội phải đảm bảo chi trả kịp thời. Bộ phận tham mưu trực tiếp trong công tác điều hành ngân sách cần tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát chi ngân sách nhà nước, bảo đảm sử dụng ngân sách đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả và theo đúng chế độ qui định.

Thực hiện tốt giải pháp tăng cường công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, đảm bảo công khai minh bạch công tác kinh tế, tài chính

Trên đây là một số nội dung chủ yếu về tình hình thực hiện nhiệm vụ thu - chi ngân sách 6 tháng đầu năm và giải pháp thực hiện dự toán thu - chi ngân sách những tháng cuối năm 2023, Ủy ban nhân dân xã báo cáo Hội đồng nhân dân xã ./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy;
- CT, các PCT UBND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Lưu VT.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Bảo Toàn



Phụ lục số 01

TÌNH HÌNH THU - CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

(kèm theo Báo cáo số 153/BC-UBND ngày 07/07/2023 của UBND xã Phước Nhon)

A. PHÂN THU

Đơn vị tính: 1.000 đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN 2023		Thực hiện	So sánh %	
	Chỉ tiêu thị xã giao	HBND xã giao		TH/ DT thị xã giao	TH /HBND giao
A. Tổng thu NSNN trên địa bàn	194.000	203.700	204.096	105,2	100,2
I. Thu cân đối NSNN trên địa bàn	194.000	203.700	204.096	105,2	100,2
1. Chỉ tiêu ngành thuế quản lý	129.000	138.700	143.710	111	104
- Thuế GTGT và TNDN	50.000	50.000	27.654	55	55
- Phí, lệ phí	53.000	61.700	37.640	71	61
+ Trong đó: Lệ phí môn bài	7.000	7.000	7.500	107	107
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.000	2.000	1.000	100	50
- Thuế trước bạ nhà đất			12.775		
- Thu thuế thu nhập cá nhân	25.000	25.000	64.641	259	259
2. Các khoản thu tại xã	65.000	65.000	60.387	93	93
II/ Các khoản đóng góp theo qui định					

B. Số thu ngân sách xã:

NỘI DUNG	DỰ TOÁN 2023 (Cả bổ sung)	Thực hiện	So sánh với
			TH /HBND giao
Tổng thu năm	11.488.951	8.893.717	77
1. Các khoản thu 100%	111.000	90.527	82
- Phí, lệ phí (100%)	46.000	30.140	66
- Thu từ quỹ đất CI và thu hoa lợi công sản khác	20.000	33.187	166
- Thu phạt, tịch thu khác theo qui định	20.000	16.000	80
- Thu khác NS xã theo qui định	25.000	11.200	45
2. Các khoản phân chia theo tỷ lệ %	169.000	29.848	18
- Thuế sử dụng đất PNN	1.000	1.000	100
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	7.000	7.500	107
- Thuế trước bạ nhà đất		12.775	
- Thuế GTGT	16.000	8.573	54
- Thuế Tài nguyên	145.000		0
3/ Thu chuyển nguồn:	1.256.751	1.256.751	
4/ Thu bổ sung từ NS cấp trên	9.952.200	7.516.592	76
- Bổ sung cân đối	4.580.000	2.289.996	50
- Bổ sung mục tiêu	5.372.200	5.226.596	97
Trong đó: Xây dựng cơ bản	4.081.700	4.081.700	100

**B/PHẦN CHỈ NGÂN SÁCH XÃ**

ĐVT: Đồng

NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN 2023 (cả BS)	Số thực hiện 06 tháng năm 2023	% So với DT
1	2	3	4=3/2
Tổng chi NS xã năm	11.488.950.721	6.060.306.665	53
I. CHI THƯỜNG XUYÊN	7.189.431.881	2.859.646.245	40
1. HĐND & UBND (805-341)	4.074.700.881	1.454.519.913	36
Chi lương, Phụ cấp, các khoản đóng góp theo QĐ định của CB, công chức	1.554.428.881	692.392.864	45
Phụ cấp sinh hoạt phí, BHYT CB không chuyên trách xã	125.147.000	55.344.000	44
Phụ cấp sinh hoạt phí trưởng thôn	141.439.000	70.719.600	50
Phụ cấp đại biểu HĐND 28 người	106.000.000	50.287.500	47
Phụ cấp làm thêm giờ	5.000.000	2.000.000	40
Chi khen thưởng	40.000.000	0	0
Chi tiền trả nước phục vụ CQ+ phúc lợi tập thể	3.200.000	1.600.000	50
Chi hội nghị	30.000.000	13.161.000	44
Chi hoạt động của HĐND theo NQ06	85.000.000	13.572.000	16
Chi tiền công tác phí	70.000.000	24.595.500	35
Trả tiền điện sinh hoạt	50.000.000	19.374.328	39
Mua văn phòng phẩm	50.000.000	17.738.000	35
Mua đồ dùng phục vụ cơ quan	25.000.000	22.435.000	90
Trả tiền điện thoại c/quan+NRCTUB	25.000.000	7.857.826	31
Trả tiền báo chí	4.000.000	1.966.200	49
Chi thuê mướn	15.000.000	0	0
Chi sửa chữa TSCĐ (máy móc. Thiết bị)	50.954.000	16.206.715	32
Mua ấn chỉ	10.000.000	4.898.000	49
Chi mua một số Thiết bị vụ phòng làm việc mới	30.000.000	0	0
Chi công tác ngăn chặn chặt phá rừng và PCCC rừng	12.000.000	0	0
Chi hỗ trợ TX cho Đội trưởng, đội phó đội dân phòng năm 2019 theo QĐ số 59/2016/QĐ-UBND	85.325.000	51.187.500	60
Hỗ trợ CTV bảo vệ, chăm sóc và giáo dục TE ở thôn theo QĐ số 66/2016/QĐ-UBND	6.000.000	3.000.000	50
Kinh phí Duy tu, sửa chữa các công trình (0492) NST	360.000.000	37.756.000	10
Kinh phí Hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết sản xuất (0491) TƯ	500.000.000	0	0
Kinh phí Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện chương trình (0502) NST	5.000.000	0	0
Kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại Bộ phận Một cửa trên địa bàn thị xã Đức Phổ	38.400.000	16.600.000	43
Kinh phí trả nợ dồn điền đổi thửa đo đạc và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	15.900.000	0	0
Kinh phí thực hiện đo đạc, lập hệ thống hồ sơ quản lý đất công ích và các loại đất nông nghiệp khác do UBND cấp xã quản lý, sử dụng trên địa bàn thị xã	80.000.000	80.000.000	100
Kinh phí phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập (chuyển nguồn 2022 sang 2023)	133.000.000	0	0
KP quy hoạch (chuyển nguồn 2022 sang 2023)	200.000.000	157.288.000	79
KP sửa chữa nhà sinh hoạt văn hóa thôn An Tây Điền	34.859.000	0	0
Chi đội công tác xã hội tình nguyện 5ng: 01 đội trưởng; 01 đội phó; 03 Tviên)	37.548.000	18.774.000	50
Chi khác	146.500.000	75.765.880	52

2. Ban an ninh (809-041)	211.082.000	94.601.238	45
Phụ cấp CAV kiêm thôn phó	141.082.000	70.536.600	50
Chi hoạt động chuyên ngành	70.000.000	24.064.638	34
3. Ban quân sự (810-011)	343.724.000	139.698.298	41
Chi lương, phụ cấp các khoản đóng góp theo QĐ	109.910.000	39.955.098	36
Phụ cấp, BHYT CB không chuyên trách	28.614.000	14.307.000	50
Kp hỗ trợ LLDQ BVCQ theo QĐ 569 ngày/...../2016 (3đ/c*0,08*LTT*365đêm)	131.000.000	32.184.000	25
Công tác phí khoán	4.200.000	1.400.000	33
Chi công việc (có HL DQTC)	70.000.000	51.852.200	74
4. Chi sự nghiệp TDTT (phân theo xã 221)	19.000.000	9.920.000	52
5. Chi sự nghiệp văn hoá thông tin (989-171)	14.000.000	7.300.000	52
6. Đài truyền thanh xã (989-191)	20.000.000	8.350.000	42
7. Đảng uỷ (819-351)	786.532.000	309.824.698	39
Chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo QĐ của CB	321.809.000	125.904.252	39
Phụ cấp, BHYT CB không chuyên trách xã	61.884.000	30.942.000	50
Phụ cấp bí thư chi bộ thôn	141.439.000	70.719.600	50
Phụ cấp sinh hoạt phí Đảng uỷ viên	70.000.000	34.866.000	50
Công tác phí khoán	8.400.000	2.800.000	33
Chi hoạt động công tác Đảng gồm:	183.000.000	44.592.846	24
8. Ủy ban Mặt trận tổ quốc xã (820-361)	381.664.000	148.174.164	39
Chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo QĐ của CB	105.691.000	37.845.258	36
Chi SHP, BHYT CB không chuyên trách xã	30.934.000	15.466.800	50
Phụ cấp CB không chuyên trách thôn	141.439.000	62.201.100	44
Chi công việc (Cà tiền điện thoại)	20.000.000	10.781.006	54
Chi hoạt động giám sát cộng đồng	5.000.000	0	0
Chi hoạt động của ban thanh tra nhân dân	5.000.000	680.000	14
Công tác phí khoán	3.600.000	1.200.000	33
Chi hoạt động khu dân cư (SKDC)	70.000.000	20.000.000	29
9. Đoàn thanh Niên (811-361)	179.981.000	74.363.328	41
Chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo QĐ của CB	107.447.000	39.339.728	37
Chi SHP, BHYT CB không chuyên trách xã	30.934.000	15.466.800	50
Hỗ trợ SHP BT chi đoàn	18.000.000	9.000.000	50
Chi công việc	20.000.000	9.356.800	47
Công tác phí khoán	3.600.000	1.200.000	33
10. Hội phụ nữ (812-361)	201.612.000	76.530.468	38
Chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo QĐ của CB	129.078.000	42.328.668	33
Chi SHP, BHYT CB không chuyên trách xã	30.934.000	15.466.800	50
Hỗ trợ SHP chi hội trưởng	18.000.000	9.000.000	50
Chi công việc	20.000.000	8.535.000	43
Công tác phí khoán	3.600.000	1.200.000	33
11. Hội nông dân (813-361)	202.084.000	95.311.870	47
Chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo QĐ của CB	113.866.000	41.933.070	37
Chi SHP, BHYT CB không chuyên trách xã	28.618.000	14.308.800	50
Hỗ trợ SHP chi hội trưởng	18.000.000	9.000.000	50
Chi công việc (kể cả Đại hội)	38.000.000	28.870.000	76
Công tác phí khoán	3.600.000	1.200.000	33
12. Hội cựu chiến binh xã (814-361)	174.052.000	72.504.268	42
Chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo QĐ của CB	98.834.000	31.779.468	32
Chi SHP, BHYT CB không chuyên trách xã	28.618.000	13.144.800	46
Hỗ trợ SHP chi hội trưởng	18.000.000	9.000.000	50
Chi công việc	20.000.000	17.380.000	87

Chi hoạt động của Hội cựu Quân nhân	5.000.000	0	0
Công tác phí khoán	3.600.000	1.200.000	33
13. Hội chữ thập đỏ (824 -362)	5.000.000	2.000.000	40
Chi công việc	5.000.000	2.000.000	40
14. Hội người cao tuổi (825-362)	98.000.000	89.654.000	91
Chi công việc (cả tiền báo chí)	7.000.000	0	0
Mừng thọ người cao tuổi	91.000.000	89.654.000	99
15. Hội khuyến học (826-362)	5.000.000	0	0
Chi hoạt động	5.000.000		0
16. Hội đặc thù (Chất DC, TNXP) (989-362)	8.000.000	0	0
Hội DC	4.000.000		0
Hội TNXP	4.000.000		0
17. Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội và trợ cấp hưu xã	192.000.000	112.262.000	58
Chi công tác xã hội khác (860-398) (Hộ nghèo, thoát nghèo)	6.500.000	1.970.000	30
Chi ngày 1/6 (860-398)	1.500.000	1.500.000	100
Chi ngày 27/7 (thăm viếng và tổ chức lễ) (860-398)	25.000.000	0	0
Phụ cấp cán bộ Hưu Xã (860-374)	159.000.000	108.792.000	68
18. Chi sự nghiệp kinh tế	224.000.000	159.432.000	71
Chăn nuôi- thú y (989-281)	14.000.000	9.600.000	69
-Sự nghiệp giao thông (989-292)	150.000.000	149.832.000	100
Sửa chữa khắc phục kênh mương thủy lợi (989-283)	60.000.000	0	0
19. Chi sự nghiệp môi trường	25.000.000	5.200.000	21
Thuê mướn, thu gom, xử lý, chôn, đốt chất thải (989-261)	15.000.000		0
Hoạt động môi trường khác (989-278)	10.000.000	5.200.000	52
20. Chi thường xuyên khác (805-341)	24.000.000		0
II. CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	4.204.518.840	3.200.660.420	76
Nâng cấp các tuyến đường nội thôn An Tây cũ	900.000.000	544.844.000	61
KCH tuyến kênh Vườn Tung đi Đồng Chòi (GD1)	900.000.000	889.228.420	99
Tuyến từ nhà Chính Nghĩa – sân vận động và khu thể thao của xã (chuyển nguồn)	9.105.000	9.105.000	100
Tuyến cầu Suối Đục đi Dinh Bà (GD2) (chuyển nguồn)	50.000.000	0	0
Tuyến đường từ đường dẫn đập Mồ Côi đi nhà ông Hiếu (chuyển nguồn)	56.947.000	0	0
Nhà văn hóa thôn Tân Sơn (thị xã hỗ trợ)	315.178.000	315.178.000	100
Tuyến từ ngã ba nhà ông Chút đến góc đá Lỗ Tranh (Nhơn Bích) (thị xã hỗ trợ)	213.739.000	213.739.000	100
Tuyến từ nhà ông Thịnh đi nhà Mười Phương (thị xã hỗ trợ)	350.000.000	350.000.000	100
Nghĩa trang nhân dân xã Phổ Nhơn (thị xã hỗ trợ) và (chuyển nguồn tạm ứng)	396.549.840	389.783.000	98
Tuyến kênh từ nhà ông ông Cẩn đến Phấn Thâu (TƯ 900, TX 113)	1.013.000.000	488.783.000	48
III. DỰ PHÒNG	95.000.000		0

C. CÂN ĐỐI

Tổng thu 6 tháng đầu năm 2023	8.893.717.411
Tổng chi 6 tháng đầu năm 2023	6.060.306.665
Cân đối ngân sách cuối tháng 06/2023	2.833.410.746
Trong đó:	
Chi công tác ngăn chặn chặt phá và PCCC rừng theo QĐ 08/2015 của tỉnh	12.000.000
Chi hỗ trợ TX cho Đội trưởng, đội phó đội dân phòng	34.137.500
Hỗ trợ CTV bảo vệ, chăm sóc và giáo dục TE ở thôn theo QĐ số 66/2016/QĐ-UBND	3.000.000
Kinh phí Duy tu, sửa chữa các công trình (0492) NST	322.244.000
Kinh phí Hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết sản xuất (0491) TƯ	500.000.000
Kinh phí Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện chương trình (0502) NST	5.000.000
Kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại Bộ phận Một cửa trên địa bàn thị xã Đức Phổ	21.800.000
Kinh phí trả nợ dồn điền đổi thửa đo đạc và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	15.900.000
Kinh phí phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập (chuyển nguồn 2022 sang 2023)	133.000.000
KP quy hoạch (chuyển nguồn 2022 sang 2023)	42.712.000
KP sửa chữa nhà sinh hoạt văn hóa thôn An Tây Điền	34.859.000
Chi đội công tác xã hội tình nguyện 5ng: 01 đội trưởng; 01 đội phó; 03 Tviên)	18.774.000
Nâng cấp các tuyến đường nội thôn An Tây cũ	355.156.000
KCH tuyến kênh Vườn Tung đi Đồng Chòi (GD1)	10.771.580
Tuyến cầu Suối Đục đi Dinh Bà (GD2) (chuyển nguồn)	50.000.000
Tuyến đường từ đường dẫn đập Mỏ Côi đi nhà ông Hiếu (chuyển nguồn)	56.947.000
Nghĩa trang nhân dân xã Phổ Nhơn (thị xã hỗ trợ) và (chuyển nguồn tạm ứng)	6.766.840
Tuyến kênh từ nhà ông ông Cần đến Phần Thâu (TƯ 900, TX 113)	524.217.000
KP chi TX của Ngân sách (Bao gồm kinh phí chi lương, chi trả phụ cấp, chi hoạt động cho các hội đặc thù, KP hoạt động KCD,...)	686.125.826

Bộ phận tài chính, kế toán xã

Đặng Thị Kim Ngân



CHỦ TỊCH

Nguyễn Bảo Toàn

Tỉnh Quảng Ngãi
Thị xã Đức Phổ
Xã Phổ Nhơn

Phụ lục số 02

**BIỂU TỔNG HỢP THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC
6 THÁNG ĐẦU NĂM NĂM 2023**

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Kế hoạch năm 2023			Số dư đầu kỳ	Thực hiện 6 tháng năm 2023		
	Thu	Chi	Chênh lệch (+) (-)		Thu	Chi	Chênh lệch (+) (-)
Tổng số	20.000.000	20.000.000	0	312.391.544	865.101	199.124.426	114.132.219
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	20.000.000	20.000.000	0	312.391.544	865.101	199.124.426	114.132.219
Quỹ công chuyên dùng (TKDG: 3722.0.1050496)	20.000.000	20.000.000	0	119.835.026	401.226	9.928.130	110.308.122
- Quỹ Đèn ơn đáp nghĩa	20.000.000	20.000.000	0	118.818.347	401.226	9.928.130	109.291.443
- Quỹ QP AN				1.016.679			1.016.679
Các hoạt động khác (TKGD: 3723.0.1050496)	0	0	0	192.556.518	463.875	189.196.296	3.824.097
- Tiền lãi dịch vụ kho bạc				163.324	213.875	80.000	297.199
- Tiền điện hộ nghèo				1.081.000	0	0	1.081.000
- Tiền khen thưởng NTM				2.980.000	0	550.000	2.430.000
- UNT thuế					250.000	250.000	0
- Chi phí phục vụ dự án (2013+2014+2015+2018+2019+2021)				188.332.194		188.316.296	15.898
2. Các hoạt động sự nghiệp							
+ Chợ							
+ Bến bãi							

Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi
Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi
Bộ phận tài chính, kế toán xã

Ngày 07 tháng 07 năm 2023

Chủ tịch

Đặng Thị Kim Ngân



Nguyễn Bảo Toàn

